

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày 28-3-2022*

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Phước

Bà Vũ Thị Lựu

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công Hoàng P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H trình bày:***

Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TM, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 17/7/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cho đến nay thì không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P quá gia trưởng, mọi việc trong nhà đều do anh P tự quyết định mà không hỏi qua ý kiến của chị H. Chị H đã nhiều lần góp ý nhưng anh P vẫn không nghe rồi xảy ra cãi vã giữa hai bên. Do đó, chị H cảm thấy bản thân không được tôn trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị H và anh P có hai con chung là Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 21/02/2002 và Nguyễn Công Anh D – sinh ngày 06/6/2006. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng khi giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, và không

yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T thì không yêu cầu giải quyết, do cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn Nguyễn Công Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

***Ý kiến của Viện kiểm sát:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Nguyễn Công Hoàng P, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn TM, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước) vào ngày 17/7/2001, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị H và anh P có xảy ra mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng khiến cuộc sống vợ chồng chị H và anh P không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc và không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nên mục đích hôn nhân của chị H và anh P không đạt được. Bản thân anh P không đồng ý với việc chị H nộp đơn xin ly hôn nhưng lại từ bỏ quyền nêu ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, điều này cho thấy anh P không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H đề nghị giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi giải quyết cho chị và anh P ly hôn. Xét đề nghị trên của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu D và không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Anh P không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu T, đến thời điểm này cháu đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Ngọc H ly hôn với anh Nguyễn Công Hoàng P.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Công Anh D – sinh ngày 06/6/2006 cho chị Bùi Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Công Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008067 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường TM, Tx. Phước Long, (Số 38, ngày 17/7/2001);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

